TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **TP. HÀ NỘI** **--------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc **---------- ---------**

Bản án số: **181**/2017/HSST
Ngày: 21/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Ông Nguyễn Văn Chương***

Các Hội thẩm nhân dân : ***Ông Nguyễn Anh Đức***

Ông Trương Văn Minh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ***Bà Phạm Thị Trang*** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì - TP Hà Nội: ***Bà Tô Thu Thủy - KSV***

Ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 195/2017/HSST ngày 22/11/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: TRỊNH ĐÌNH S, sinh năm 1984; HKTT : Đội 01 xã T, huyện T, Hà Nội ; nơi ở: Đội 8, xã T, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; con ông Trịnh Đình T, con bà Nguyễn Thị Đ; Tiền án, Tiền sự:

- Tiền sự: 03 tiền sự.

- Tiền án: 02 tiền án:

+ Ngày 20/04/2009, S bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xử phạt 08 tháng tù về lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bản án số 39/HSST (đã xóa án tích).

+ Ngày 26/8/2014, S bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xử phạt 14 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bản án số 137/HSST, ra trại ngày 08/6/2015 (chưa xóa án tích).

Danh, chỉ bản số 0322 lập ngày 12/9/2017 tại Công an huyện Thanh Trì; bị cáo đầu thú ngày 22/4/2017, hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy số 01 Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Cháu Nghiêm Văn P, sinh năm 2003.

Người giám hộ : Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 là mẹ đẻ cháu Phong.

Địa chỉ : Ngõ 15 đường T, huyện T, Hà Nội (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

Anh Đặng Văn T , sinh năm 1977.

Địa chỉ : Số 44 phố T, phường Y, quận H, Hà Nội (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trịnh Đình S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố về hành vi như sau:

Hồi 15h30' ngày 18/4/2017, Trịnh Đình S chơi game ở khu vui chơi giải trí tại chung cư Đ, xã T, huyện T, Hà Nội, sau đó S đi ra ngoài phát hiện chiếc xe đạp hiệu Avibus của cháu Nghiêm Văn P (sinh năm 2003) để ở vỉa hè, trước cửa khu vui chơi giải trí của chung cư không có người trông coi, S đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe đạp này để bán lấy tiền ăn tiêu; S liền dắt chiếc xe đạp trên mang cho bán cho anh Đặng Văn T (SN1977, HKTT: Số 44 phố T, phường Y, quận H, Hà Nội) với giá 500.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 22/4/2017, Trịnh Đình S đến Đồn công an Cầu Bươu đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe đạp như trên.

Cùng ngày 22/4/2017, anh Đặng Văn T đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe trên cho Công an huyện Thanh Trì. Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Trì đã trả lại cháu Nghiêm Văn P chiếc xe trên. Cháu P không yêu cầu S bồi thường gì. Anh T không yêu cầu S phải trả lại số tiền 500.000 đồng anh đã trả cho S để mua xe.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 125/KLĐG ngày 26/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Trì kết luận: Chiếc xe đạp hiệu Avibus mà S trộm cắp có giá trị 1.650.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 171/CT - VKS ngày 20/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì đã truy tố Trịnh Đình S về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Bị cáo Trịnh Đình S khai nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã nêu, thừa nhận tội danh bị truy tố là đúng.

- Người bị hại là cháu Nghiêm Văn P do chị Nguyễn Thị H làm giám hộ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn T vắng mặt.

- Đại diện VKS giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị xử phạt Trịnh Đình S từ 09 đến 12 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền ; buộc bị cáo phải truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng.

Sau khi xem xét, kiểm tra các tài liệu, chứng cứ tại phiên toà; qua xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên toà.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo Trịnh Đình S tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai tại phiên toà, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án; có đủ cơ sở kết luận: Ngày 22/4/2017, bằng thủ đoạn lén lút Trịnh Đình S đã chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp hiệu Avibus của cháu Nghiêm Văn P để tại khu vui chơi giải trí chung cư Đ, xã T, huyện T, Hà Nội, chiếc xe trị giá 1.650.000 đồng.

Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng do bị cáo có 02 tiền án năm 2009 và năm 2014 trong đó tiền án năm 2014 chưa được xóa án tích nên hành vi của Trịnh Đình S đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại, làm mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân. Để đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần bảo vệ tài sản của nhân dân, cần thiết phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự.

Nhân thân bị cáo đã có 03 tiền sự và 02 tiền án trong đó tiền án năm 2014 chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội thể hiện bị cáo đã được pháp luật cải tạo, giáo dục nhưng không có tiến bộ nên cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo với xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: *Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Sau khi phạm tội bị cáo nhận thức được sai phạm của mình nên đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.*

Do bị cáo không có việc làm, không có thu nhập để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về dân sự: Cháu Nghiêm Văn P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và anh Đặng Văn T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 500.000 đồng anh đã trả cho bị cáo để mua chiếc xe đạp do vậy Toà không xét.

Đối với số tiền bị cáo bán xe có được là tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải truy nộp sung công quỹ nhà nước.

Đối với anh Đặng Văn T khi mua xe đạp của bị cáo bán nhưng không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và án phí dân sự bồi thường theo Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người bị hại được kháng cáo bản án theo Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Tuyên bố: Trịnh Đình S phạm tội " Trộm cắp tài sản".**

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự ;

Căn cứ các điều 99, 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Trịnh Đình S 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điều 42 BLHS, Điều 76 BLTTHS: Buộc bị cáo phải truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chương